TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **68**/2019/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 17 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 118/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa người yêu cầu:

1. Ông **Trần Thanh M** – sinh năm 1973

2. Bà **Văn Thị K** – sinh năm 1978

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 22 đường H, phường M, quận L, TP Đà Nẵng

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn do Trung tâm hòa giải - đối thoại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng lập ngày 09 tháng 4 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn lập ngày 09 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa người yêu cầu:

- Ông **Trần Thanh M** – sinh năm 1973

- Bà **Văn Thị K** – sinh năm 1978

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 22 đường H, phường M, quận L, TP Đà Nẵng

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh M và bà Văn Thị K thuận tình ly hôn.

1.2 Về quan hệ con chung: Ông Trần Thanh M và bà Văn Thị K xác nhận có 02 con chung và thống nhất thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao bà Văn Thị K trực tiếp nuôi con chung Trần Thành P – sinh ngày 07.10.2013; giao ông Trần Thanh M trực tiếp nuôi con chung Trần Văn Thanh T – sinh ngày 06.10.2003. Các bên đương sự tự nuôi con, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung của các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Thanh M và bà Văn Thị K xác nhận không có.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Trần Thanh M và bà Văn Thị K tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0006142 ngày 16/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông Trần Thanh M và bà Văn Thị K đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Chi cục THADS quận L;
- VKSND quận L;
- UBND phường P, quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân Hương